

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-PT

Ngày 13 – 6 – 2025

V/v Chia tài sản chung sau khi ly
hôn

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr; Bà Đinh Thị Tuyết.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Mai - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLPT-HNGĐ ngày 08/4/2025 về việc “*Tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn*”. Do có kháng cáo của bị đơn ông Bùi Thế V đối với Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2025/HNGĐ-ST ngày 21/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thị Mỹ H; Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Bà Trần Thị T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Bùi Thế V; Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh V: Anh Lê Văn N; Địa chỉ: Số B Đường A, xã C, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Khắc Đ; Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

2. Chị Võ Thị Hương M, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3. Anh Đặng Thế D; Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

* **Người kháng cáo:** Bị đơn anh Bùi Thế V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H trình bày:***

Tôi và anh V đã ly hôn theo Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 24/2023/HNGĐ-ST ngày 09/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk và Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm 15/2024/HNGĐ-PT ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Về sản lượng sầu riêng mùa vụ năm 2023 thì tôi và anh V chưa phân chia, do thời điểm xét xử sơ thẩm chưa thu hoạch tại 03 thửa đất gồm: Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 20, diện tích 7518m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 864130, do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 08/9/2015, đứng tên ông Bùi Thế V, bà Huỳnh Thị Mỹ H; Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 69, diện tích 1777,1m², được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/8/2019, mang tên ông Bùi Thế V và Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 69, diện tích 756,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 575598 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 09/8/2019, đứng tên bà Trần Thị Tuyết H1. Khi chúng tôi còn chung sống đều chăm sóc rất chu đáo cho vườn cây, nợ tiền ngân hàng cũng là để đầu tư cho vườn cây chứ không có việc tôi và anh V bỏ bê vườn cây. Việc anh V bán sầu riêng tại vườn có bằng chứng, tôi đã cung cấp cho Toà. Nay hai bên không thoả thuận được về với nhau về việc phân chia sản lượng sầu riêng nên tôi yêu cầu Tòa án phân chia giá trị sản lượng sầu riêng thu hoạch năm 2023 tại 03 vườn sầu riêng trên; yêu cầu anh V phải trả cho tôi ½ giá trị sản lượng sầu riêng thu hoạch vụ mùa năm 2023, ước tính anh V bán được 5,5 tấn, thành tiền 440.000.000 đồng.

**** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Bùi Thế V và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lê Văn N trình bày:***

Ông Bùi Thế V và bà Huỳnh Thị Mỹ H là vợ chồng từ năm 2013, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ly hôn đầu năm 2023. Các bên có phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo quyết định của bản án phúc thẩm số 15/2024/HNGĐ-PT ngày 23-5-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đến nay bà H yêu cầu ông V chia ½ sản lượng vụ mùa sầu riêng năm 2023 là 5,5 tấn, thành tiền 220.00.000 đồng thì ông V không đồng ý. Vì lý do như sau:

Thứ nhất, đầu năm 2023 bà H nộp đơn ly hôn ông Bùi Thế V tại Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, khoảng thời gian này ông V buồn chuyện gia đình không được trọn vẹn nên ông V đi vào Bình Dương để làm nhân viên giao hàng và bỏ lại các vườn cây sầu riêng không có ai chăm sóc, trong khi mẹ ông V đã lớn tuổi cũng không làm vườn được vì vậy sản lượng sầu riêng năm 2023 của 3 vườn thuộc các thửa đất số 44,45,72 không có năng suất như bà H yêu cầu.

Thứ hai, vì cả 3 vườn cây thuộc các thửa đất số 44, 45, 72 của gia đình theo kết quả xem xét thẩm định của Tòa án chỉ có khoảng 20 cây cho thu hoạch còn lại các

cây đều mới trồng năm 1- năm 3 nên chưa có thu hoạch, trong khi đó cây sầu riêng là cây trồng đặc biệt cần phải có người chăm sóc phân bón tưới tiêu thì mới có thể cho năng suất. Nhưng trong thời gian này ông V bỏ đi vào Bình Dương làm không ở nhà chăm sóc các vườn sầu riêng trên, thỉnh thoảng có anh em của ông V ở nhà thì ghé qua xem hộ mẹ ông V, thế nên số cây có thu hoạch đậu được rất ít trái, ông V ước chừng được 6-7 tạ thu hoạch trong năm 2023.

Thứ ba, tháng 9/2023 ông V về nhà để giải quyết vụ việc ly hôn với bà H, trong thời gian ông V ở nhà là thời gian thu hoạch sầu riêng việc mua bán sầu riêng trên địa phương đang diễn ra, trong lúc nghỉ làm ở Bình Dương về giải quyết việc ly hôn không có thu nhập, ông V có đi chốt sầu riêng của một số hộ trong địa phương để bán lại cho thương lái để có thêm thu nhập và sản lượng mua bán không liên quan đến sản lượng sầu riêng ở các vườn trong nhà. Việc mua bán ở bên ngoài với sản lượng nhiều nên ông V không nhớ cụ thể.

Vì những lý do trên, ông V đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H về việc chia 5,5 tấn sầu riêng vụ mùa 2023. Ông V chỉ đồng ý chia cho bà H 3,5 tạ sầu riêng sản lượng thu hoạch được của năm 2023 đối với 20 cây sầu riêng trong các thửa đất số 44,45,72. Giá trị thành tiền: 29.050.000 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

Anh V và anh Nguyễn Khắc Đ có buôn bán làm ăn sầu riêng với nhau; anh V đi thu mua sầu riêng và bán lại cho anh Đ. Theo Hợp đồng mua bán trái sầu riêng ngày 15/3/2023 mà nguyên đơn cung cấp, anh V xác nhận là đúng các nội dung anh V và anh Đ đã thoả thuận trong hợp đồng; tuy nhiên số lượng sầu riêng thu mua ghi trong hợp đồng là do anh V thu mua từ các vườn khác về bán cho anh Đ; trong đó có vườn của chị M, anh Võ Văn T1 (Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) và một số người khác; còn vườn sầu riêng của anh V chỉ thu được khoảng 1 tấn mùa năm 2023, bán cho anh Đ đã tính trong Hợp đồng mua bán trái sầu riêng ngày 15/3/2023. Chị Bùi Thị H2 là em gái của anh V. Khi mua bán sầu riêng với anh Đ thì anh V nói anh Đ chuyển khoản tiền qua số tài khoản của chị H2 là 65010002016975.

Đối với kết quả định giá của Hội đồng định giá đã định từ 5 đến 6 tấn thì anh V không đồng ý.

*** Người làm chứng anh Nguyễn Khắc Đ trình bày:** Vào ngày 15/9/2023 tôi có đến vườn sầu riêng của anh Bùi Thế V tại thôn B, xã E, huyện K để làm hợp đồng mua bán sầu riêng quả. Chúng tôi có lập hợp đồng mua bán trái sầu riêng với nội dung mua toàn bộ quả sầu riêng thái da xanh gai nhím của anh V với giá 83.000 đồng/kg tại 03 vườn khoảng 100 cây, ước tính khoảng 10 tấn, gồm vườn rẫy anh V, vườn dưới nhà anh V và một vườn của chị M do anh V làm khoán cùng thuộc thôn B, xã E, huyện K. Sau khi thoả thuận tôi đã đặt cọc cho anh V số tiền 150.000.000

đồng. Thực hiện hợp đồng tôi đã vào cắt dao đầu được khoảng 1 tấn; dao 2 cắt ngày 02/10/2023 với số lượng 4193kg. Do thời điểm đó giá cả xuống nên anh V và tôi thoả thuận bớt xuống 79.000 đồng/kg. Hàng A – thành tiền 331.247.000 đồng, hàng đạt là 397kg x 39.500 đồng = 15.681.000 đồng. Tổng tiền dao 2 là 346.928.000 đồng. Dao 3, cắt ngày 08/10/2023 với số lượng: Hàng A: 4024 x 80.000 đồng = 321.920.000 đồng, Hàng đạt: 329 x 40.000 đồng = 13.160.000 đồng; Tổng: 335.080.000 đồng. Tôi trừ số tiền đã cọc là 150.000.000 đồng và kết thúc hợp đồng. Tổng dao 2 và dao 3 tôi chuyển cho anh V là 681.920.000 đồng và anh V nói tôi chuyển tất cả vào tài khoản của chị Bùi Thị H2, 65010002019675 – B. Do cắt cùng với vườn của chị M nên tiền chuyển chung. Tôi nhớ vườn của chị M là khoảng 4 tấn; còn lại vườn của anh V tại rẫy và dưới nhà khoảng gần 6 tấn cả hàng đạt. Tôi xác nhận Hợp đồng mua bán trái sầu riêng ngày 15/9/2023 là do tôi ký và hợp đồng với anh V là đúng. Việc chuyển khoản tiền tôi nhờ chị Nguyễn Thị Ngọc V1 chuyển khoản giúp.

- **Người làm chứng, chị Võ Thị Hương M trình bày:** Tôi có quen biết với anh Bùi Thế V. Trong 03 năm nay từ năm 2022 đến nay tôi có hợp đồng giao khoán với anh Bùi Thế V, để phân chia theo tỷ lệ 50-50 đối với sản lượng sầu riêng thu hàng năm tại vườn của tôi, địa chỉ thôn B, xã E, huyện K, diện tích 8000m², trồng 44 cây sầu riêng thái kinh doanh năm thứ 10. Mùa vụ năm 2023, sản lượng sầu riêng trong vườn của tôi là 6,5tấn, nhưng chỉ tính tiền là 6 tấn vì trừ 5 tạ sầu eo không tính tiền. 6 tấn giá 80.000 đồng/kg, thành tiền là 480.000.000 đồng, tôi được hưởng 240.000.000 đồng và anh V được hưởng 240.000.000 đồng. Việc chăm sóc và thu hoạch đều do anh V đứng ra, sau đó báo lại cho tôi. Số tiền 240.000.000 đồng thì anh V đã giao cho tôi theo phương thức chuyển khoản và đưa tiền mặt một ít; tôi không lưu giữ chứng từ chuyển khoản và khi đưa tiền mặt thì chỉ giao tay chứ không có biên nhận. Hai bên có viết hợp đồng nhận khoán làm vườn sầu riêng ngày 25/10/2022.

- **Người làm chứng anh Đặng Thế D trình bày:** Vào khoảng tháng 9/2023, tôi có được anh Bùi Thế V thuê để chở sầu riêng tại vườn của chị M ở xã E, huyện K do anh V làm khoán cho chị M ra bán cho anh Nguyễn Khắc Đ với số lượng khoảng 4 tấn quả sầu riêng. Tôi chỉ biết sự việc như vậy, ngoài ra không biết gì thêm.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2025/HNGĐ-ST ngày 21/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã Quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 144, Điều 147, Điều 158 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 28, Điều 29, Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ H. Buộc anh Bùi Thế V phải thanh toán cho chị Huỳnh Thị Mỹ H $\frac{1}{2}$ giá trị sản lượng sầu riêng thu hoạch vụ mùa năm 2023 với số tiền 222.226.000 đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*** Kháng cáo:** Ngày 23/01/2025, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ H giữ nguyên nội dung khởi kiện, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Thế V, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2025/HNGĐ-ST ngày 21/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về nội dung:

Theo Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 24/2023/HNGĐ-ST ngày 09/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk và Quyết định giám đốc thẩm số 11/2024/HNGĐ-GĐT ngày 28/9/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thì tài sản chung giữa anh V, chị H đã được phân chia gồm quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất:

- Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 20, diện tích 7.518m² tọa lạc tại xã E, huyện K; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 864130, do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 08/9/2015, đứng tên anh Bùi Thế V, chị Huỳnh Thị Mỹ H;

- Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 69, diện tích 1.777,1m² được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/8/2019, mang tên anh Bùi Thế V;

- Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 69, diện tích 756,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 575598 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày

09/8/2019, đứng tên bà Trần Thị Tuyết H1.

Tuy nhiên, tại thời điểm ly hôn, chia tài sản, chị H và anh V sống ly thân từ đầu năm 2023, sản lượng sầu riêng năm 2023 trên các thửa đất số 44, 45, 72 do anh V thu hoạch và bán nhưng chưa chia. Vì vậy, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ H yêu cầu phân chia giá trị sản lượng sầu riêng năm 2023 là có cơ sở xem xét.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về số lượng cây sầu riêng kinh doanh đã cho thu hoạch tại 3 thửa đất số 72, 44, 45 của anh V và chị H:

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2023, ngày 14/6/2023 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk thể hiện số lượng cây sầu riêng chị H và anh V trồng được tại 03 thửa đất như sau:

Tại thửa đất số 72: 18 cây sầu riêng ghép kinh doanh năm thứ 4 trở lên (độ tuổi từ 8 đến 9 năm); 12 cây kinh doanh năm thứ 4 trở lên (độ tuổi từ 7 đến 8 năm); 63 cây kinh doanh năm 1 (từ 4 đến 5 năm tuổi); 18 cây chăm sóc năm thứ 3.

Tại thửa đất số 44: 11 cây sầu riêng ghép (trong đó: 03 cây chăm sóc năm thứ 2 và 08 cây chăm sóc năm thứ 1).

Tại thửa đất số 45: 11 cây sầu riêng ghép (Trong đó: 05 cây chăm sóc năm thứ 1 và 06 cây kinh doanh năm thứ 4 trở lên).

Theo hợp đồng mua bán quả sầu riêng ngày 15/9/2023 giữa anh Bùi Thế V và anh Nguyễn Khắc Đ, được anh V thừa nhận có nội dung “*Bên A: Đồng ý mua toàn bộ quả sầu riêng Thái da xanh, gai nhím của bên B với giá: 83 nghìn/1kg. 03 vườn 100 cây thu, ước tính khoảng 10 tấn. Anh Đ đặt cọc cho anh V số tiền 150.000.000 đồng*”. Hợp đồng mua bán sầu riêng cơ bản phù hợp với kết quả Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án. Anh V cho rằng vườn nhà anh V chỉ có 20 cây sầu riêng cho thu hoạch là không phù hợp với các tài liệu nêu trên. Như vậy, có cơ sở xác định vụ mùa năm 2023 thì số lượng cây sầu riêng kinh doanh đã cho thu hoạch tại 3 thửa đất số 72, 44, 45 của anh V và chị H là 99 cây.

[2.2] Về sản lượng và số tiền bán sầu riêng năm 2023:

Theo lời trình bày của anh Nguyễn Khắc Đ thì ngày 22/9/2023 tiến hành cắt Dao đầu với sản lượng khoảng 1000 kg với giá 83.000 đồng/kg, tương đương 83.000.000 đồng; Dao 2: Mua 4193 kg với giá loại A là 79.000 đồng/kg; hàng dạt 39.500 đồng/kg gồm: $(3796 \text{ kg} \times 79.000 \text{ đồng}) + (397 \text{ kg} \times 39.500 \text{ đồng}) = 346.928.000 \text{ đồng}$. Dao 3: Mua 4353kg với giá loại A là 80.000đ/kg; hàng dạt 40.000đ/kg gồm: $(4024 \text{ kg} \times 80.000 \text{ đồng}) + (329 \text{ kg} \times 40.000 \text{ đồng}) = 335.080.000 \text{ đồng}$. Trừ số tiền anh V đã đặt cọc là 150.000.000 đồng, anh Đ đã chuyển khoản 185.000.000 đồng. Tổng sản lượng sầu riêng anh Đ đã mua của anh V là 9.546kg, số tiền đã thanh toán: 765.008.000 đồng.

Số tiền mua sầu riêng thì anh Đ đã chuyển vào tài khoản số 65010002016975 mở tại Ngân hàng B của chị Bùi Thị H2 (là em gái anh V). Số tài khoản này được ghi trong Hợp đồng mua bán sầu riêng giữa anh V và anh Đ – được anh V thừa nhận là đúng. Theo thông tin chuyển khoản có trong hồ sơ vụ án thì: Ngày 02/10/2023, Tài khoản mang tên Nguyễn Thị Ngọc V1 (người nhà anh Đ) có chuyển vào tài khoản 65010002016975 mở tại Ngân hàng B của chị Bùi Thị H2 số tiền 346.920.000 đồng. Ngày 08/10/2023, Tài khoản mang tên Nguyễn Thị Ngọc V1 có chuyển vào tài khoản 65010002016975 mở tại Ngân hàng B của chị Bùi Thị H2 số tiền 185.000.000 đồng. Thông tin chuyển khoản phù hợp lời khai của anh Đ.

[2.3] Theo lời trình bày của anh Đ thì sản lượng sầu riêng mà anh Đ đã mua nêu trên được cắt từ 03 vườn của anh V và vườn của chị Võ Thị Hương M (là vườn sầu riêng mà anh V nhận khoán).

Theo Hợp đồng giao khoán giữa anh V và chị M thì vườn nhà chị M có 50 cây sầu riêng, phân chia theo tỷ lệ 50-50 đối với sản lượng sầu riêng thu hàng năm. Theo lời khai của chị M thì Mùa vụ năm 2023, sản lượng sầu riêng trong vườn chị M là 6,5 tấn, chỉ tính tiền là 6 tấn vì trừ 5 tạ sầu eo. 06 tấn giá 80.000 đồng/kg, thành tiền là 480.000.000 đồng. Chị M và anh V mỗi người được hưởng 240.000.000 đồng. Số tiền 240.000.000 đồng được anh V chuyển khoản và giao tiền mặt. Tuy nhiên, chị M không lưu giữ chứng từ chuyển khoản và khi anh V đưa tiền mặt thì chỉ giao tay không có biên nhận nên không đủ căn cứ xác định sản lượng sầu riêng trên vườn chị M là 6 tấn. Anh Nguyễn Khắc Đ và anh Đặng Thế D lại cho rằng vườn nhà chị M chỉ khoảng 4 tấn sầu riêng. Lời trình bày của những người làm chứng có mâu thuẫn nhưng Cấp sơ thẩm căn cứ lời trình bày của anh Nguyễn Khắc Đ và anh Đặng Thế D để khấu trừ sản lượng sầu riêng của vườn chị M là 4 tấn là chưa đảm bảo.

Theo Kết quả định giá sản lượng sầu riêng của Hội đồng định giá tài sản ước tính sản lượng sầu riêng vụ mùa 2023 tại 03 thửa đất số 72, 44, 45 cho thu hoạch bình quân dao động từ 5 tấn đến 6 tấn. Tuy nhiên, các thông tin nêu trên chỉ ước tính sản lượng sầu riêng mà không định lượng cụ thể sản lượng của từng vườn. Không có cơ sở khẳng định vườn chị M hay vườn anh V có năng suất cao hơn nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ số lượng cây sầu riêng vườn chị M (Theo Hợp đồng) là 50 cây; vườn anh V, chị H2 là 99 cây, tổng cộng là 149 cây để làm căn cứ xác định số tiền bán sầu riêng trên vườn nhà anh V, chị H2 tương ứng với số lượng cây sầu riêng là đảm bảo.

Như vậy, số tiền bán sầu riêng trên vườn anh V, chị H2 là: (765.008.000 đồng : 149 cây) x 99 cây = 508.293.000 đồng. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện, chị H2 chỉ yêu cầu chia với số tiền 440.000.000 đồng nên cần chấp nhận.

[2.4] Vì anh V cho rằng bỏ bê vườn cây, không đầu tư, chăm sóc nên không cung cấp chứng từ liên quan đến chi phí đã đầu tư là từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng

minh của mình. Tuy nhiên, để đạt được sản lượng nêu trên, việc đầu tư chăm sóc vườn cây là có thật. Cấp sơ thẩm chia đôi số tiền bán sầu riêng là ảnh hưởng đến quyền lợi của anh V. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Thế V.

Mặc dù chi phí đầu tư sầu riêng là không nhỏ nhưng từ khi ly thân đến hiện tại, chị H2 là người nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nên để bảo vệ quyền lợi người phụ nữ và các con chung của anh V, chị H2, cần chia cho anh V 60%, chia cho chị H2 40% của số tiền 440.000.000 đồng là thỏa đáng. Cụ thể, anh V phải trả cho chị H2 176.000.000 đồng tiền thu hoạch sầu riêng vụ mùa 2023.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm cần tính lại theo đúng quy định. Anh V phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho chị H2: 176.000.000 đồng x 5% = 8.800.000 đồng.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Bùi Thế V được chấp nhận nên anh V không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Bùi Thế V. Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2025/HNGĐ-ST ngày 21/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Căn cứ Điều 28, Điều 29, Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ H.

Buộc anh Bùi Thế V phải thanh toán cho chị Huỳnh Thị Mỹ H 40% giá trị sản lượng sầu riêng thu hoạch vụ mùa năm 2023 với số tiền 176.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Thế V phải chịu 8.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.000.000 đồng. Anh Bùi Thế V và chị Huỳnh Thị Mỹ H mỗi người phải chịu ½ chi phí là 1.000.000 đồng. Chị H đã nộp 2.000.000 đồng tạm ứng tại TAND huyện

Krông Búk. Buộc anh Bùi Thế V phải trả cho chị Huỳnh Thị Mỹ H số tiền 1.000.000 đồng chi phí tố tụng.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Anh Bùi Thế V không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002101 ngày 11/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 01/2025/HNGĐ-ST ngày 21/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.
- Công khai Cổng TT Điện tử Tòa án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương